

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/4/2021

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bích.

2. Ông Trần Thanh Bình.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXX-ST ngày 09/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20 /2021/QĐ-ST ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Đồng Thị T, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Trại Cháy, xã Quý S, huyện Lục Ng, tỉnh B.

**\*Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng Gi, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Trại Cháy, xã Quý S, huyện Lục Ng, tỉnh B.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Hoàng Gi tại Việt Nam là Thôn Trại Cháy, xã Quý S, huyện Lục Ng, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 07/12/2020, nguyên đơn chị Đồng Thị T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hoàng Gi được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2016 tại UBND xã Quý S, huyện Lục

Ng, tỉnh B. Trước khi kết hôn cả 2 vợ chồng chị đều lao động tại Đài Loan nên sau khi kết hôn cả 2 vợ chồng lại sang Đài Loan tiếp tục lao động. Quá trình chung sống những năm đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Đến ngày 01/11/2018 chị hết hạn lao động nên về nước làm ăn sinh sống, còn anh Gi ở lại Đài Loan làm ăn, kể từ khi chị về nước một mặt do khoảng cách về địa lý, mặt khác do vợ chồng không hợp nhau có những suy nghĩ không đúng về nhau nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng từ đó vợ chồng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Gi.

Về con chung: Chị và anh Gi chưa có con chung, nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T còn trình bày: Hiện nay anh Gi vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh Gi chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị có hỏi địa chỉ của anh Gi nhưng anh Gi không cung địa chỉ ở nước ngoài cho chị, anh Gi vẫn liên lạc về cho mẹ đẻ của anh Gi là bà Nguyễn Thị Hsinh năm 1975; trú tại Thôn Trại Cháy, xã Quý S, huyện Lục Ng, tỉnh B nhưng mẹ anh Gi cũng không cung cấp địa chỉ cho chị nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh Gi được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Hoàng Gi.

*Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Gi hiện đang lao động tại nước ngoài không có bản tự khai.*

Ngày 27/01/2021 và ngày 19/02/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Hoàng Gi là bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1975; trú tại: Thôn Trại Cháy, xã Quý S, huyện Lục Ng, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà Hthông báo cho anh Gi biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Hoàng Gi; yêu cầu anh Gi viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà Hcung cấp địa chỉ cụ thể của anh Gi ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà H vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Gi ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Gi ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh Gi, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Gi biết để anh Gi gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Gi gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đồng Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Hoàng Gi vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Gi là bà Nguyễn Thị Hà thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Đồng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Gi không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Gi; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Gi là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị T.

Xử cho chị Đồng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng Gi.

Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Đồng Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Đồng Thị T.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng Gi vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Hoàng Gi là bà Nguyễn Thị H để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà H thông báo cho anh Gi biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Hoàng Gi; Yêu cầu anh Gi viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Gi ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị H trình bày: Anh Gi vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà H vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Gi cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Gi

biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hoàng Gi theo thủ tục chung.

**[2]. Về thẩm quyền:** Chị Đồng Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Hoàng Gi, anh Gi hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 1377/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 14/01/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh Gi xuất nhập cảnh 13 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 02/5/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Gi ở Việt Nam là: Thôn Trại Cháy, xã Quý S, huyện Lục Ng, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]. Về quan hệ Hôn nhân:** Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Hoàng Gi có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2016 tại UBND xã Quý S, huyện Lục Ng, tỉnh B. Trước khi cưới cả 2 vợ chồng đều lao động tại Đài Loan nên sau khi cưới xong cả 2 vợ chồng lại sang Đài Loan tiếp tục lao động. Quá trình chung sống những năm đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Đến ngày 01/11/2018 chị T hết hạn lao động nên về nước làm ăn sinh sống, còn anh Gi ở lại Đài Loan làm ăn, kể từ khi chị T về nước một mặt do khoảng cách về địa lý, mặt khác do vợ chồng không hợp nhau có những suy nghĩ không đúng về nhau nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng từ đó vợ chồng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Gi.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đồng Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh Gi kết hôn với nhau năm 2017. Kết hôn xong hai vợ chồng cùng sang Đài Loan lao động, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến ngày 01/11/2018 chị T hết hạn lao động nên về nước làm ăn sinh sống, còn anh Gi ở lại Đài Loan làm ăn, kể từ khi chị T về nước một mặt do khoảng cách về địa lý, mặt khác do vợ chồng không hợp nhau có những suy nghĩ không đúng về nhau nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng từ đó vợ chồng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Gi đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Tâm. Xử cho chị T được ly hôn với anh Gi.

**[4]. Về con chung:** Chị T và anh Gi chưa có con chung. Do vậy chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[5]. Về tài sản chung, công nợ:** Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6]. Về án phí:** Chị Đồng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

**[7]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Đồng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Gi.

**2. Về án phí:** Chị Đồng Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000876 ngày 22/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

**3. Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Đồng Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Hoàng Gi hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Trần Thanh Bình**

**Trần Thị Hà**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Quý Sơn, Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

